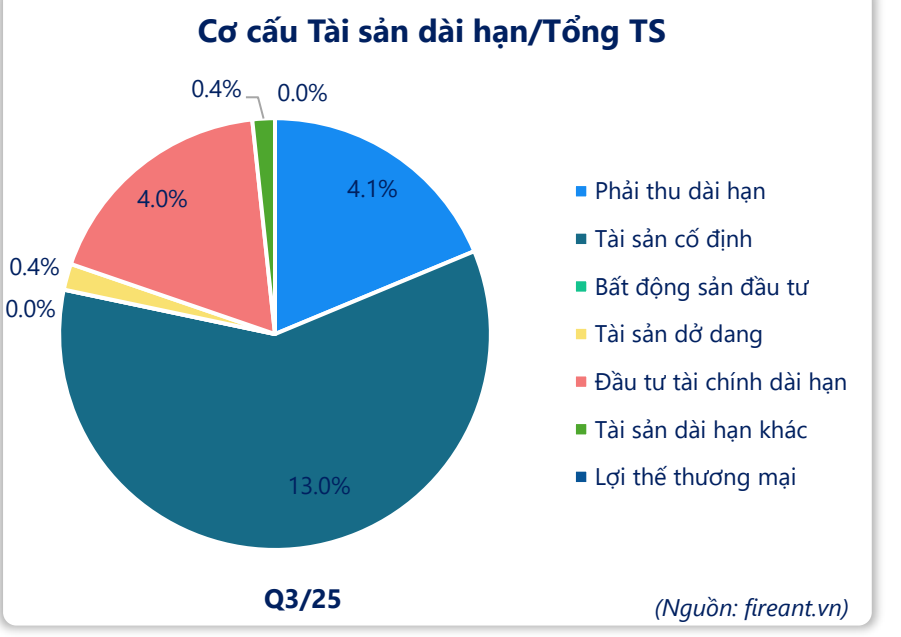
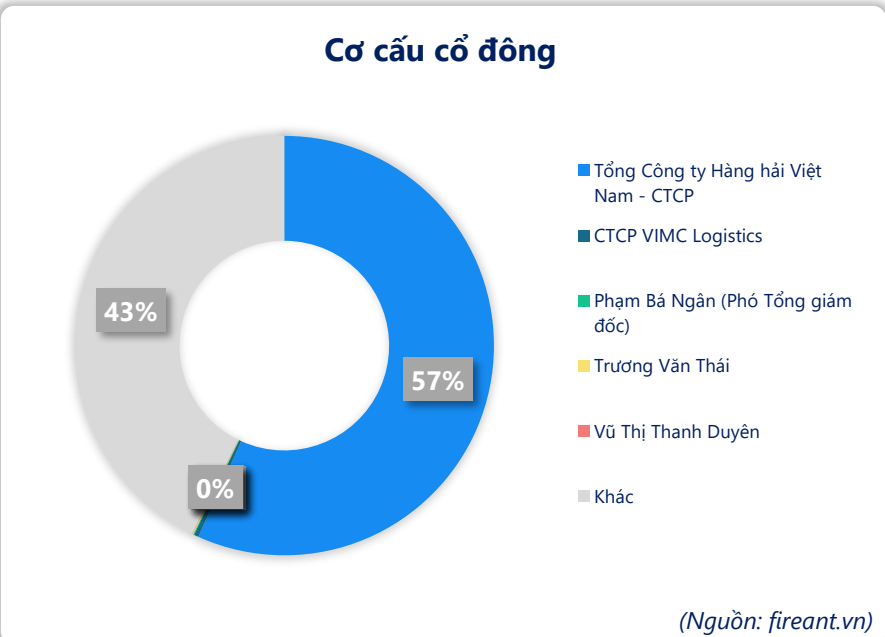
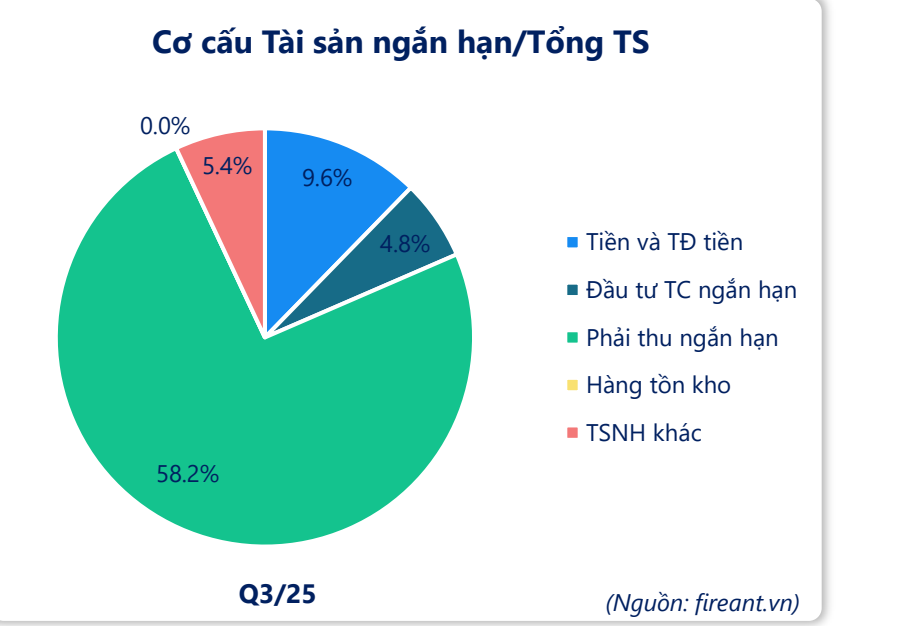
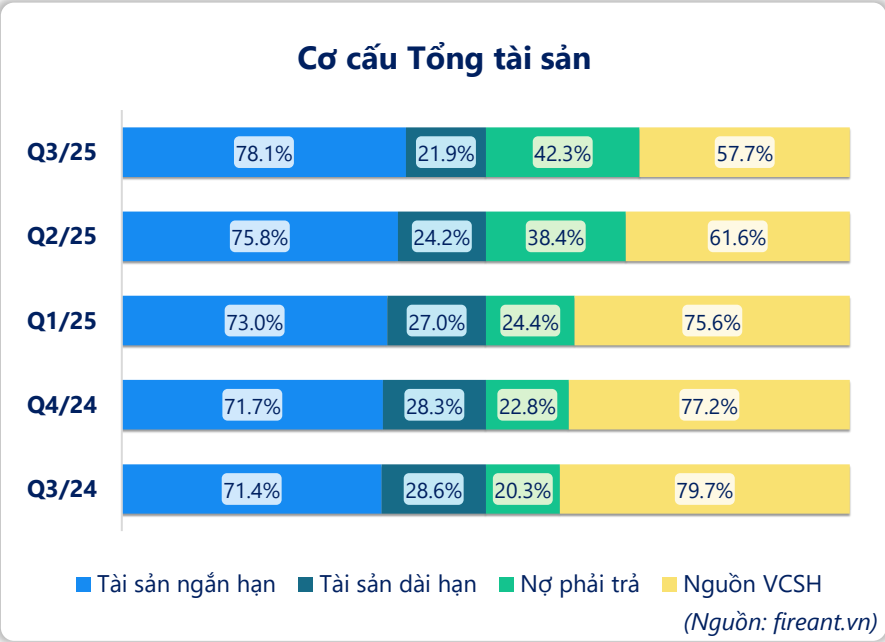
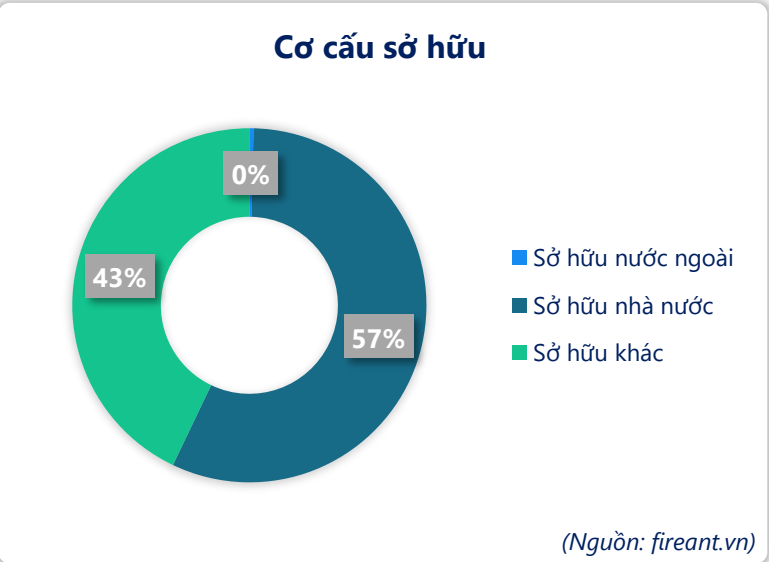
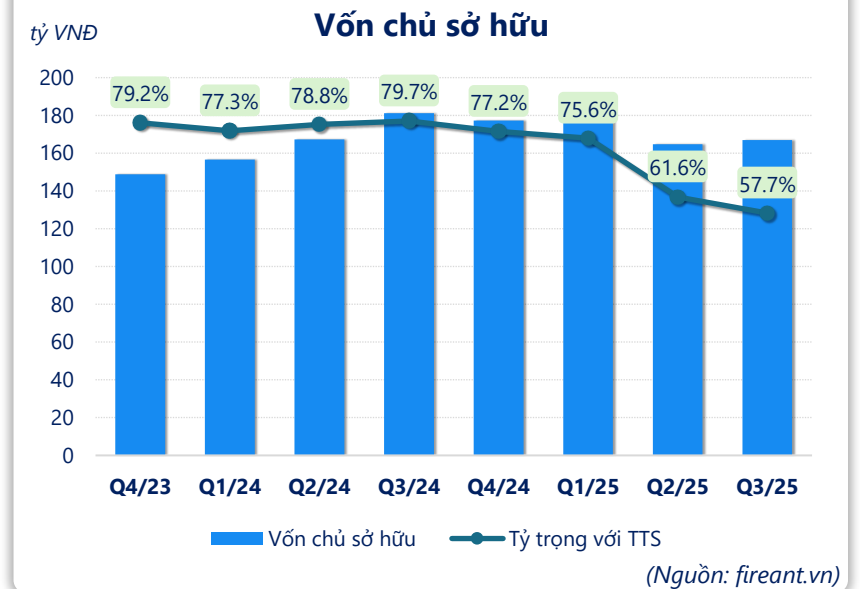
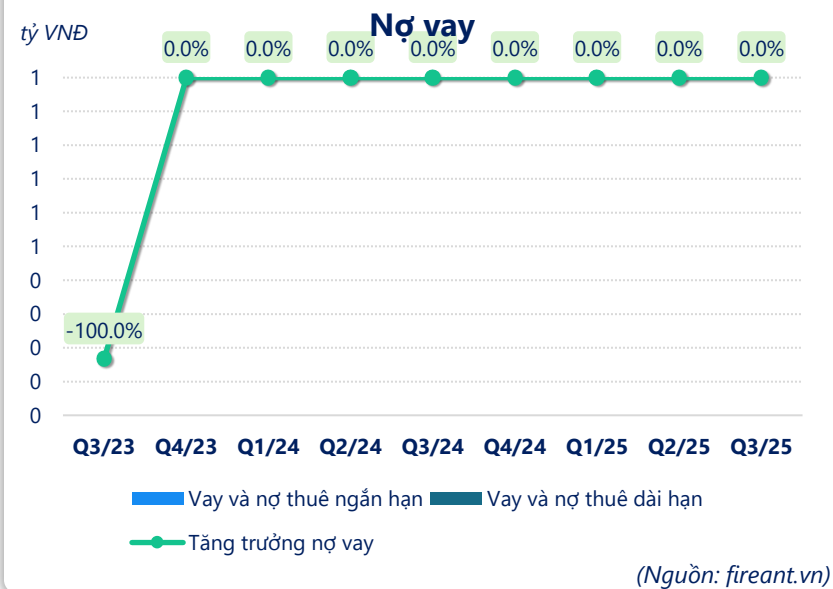
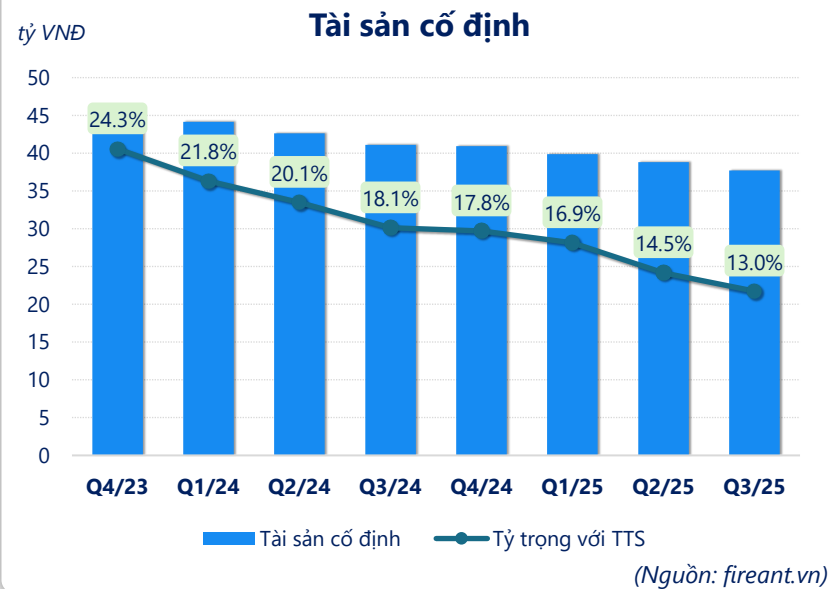
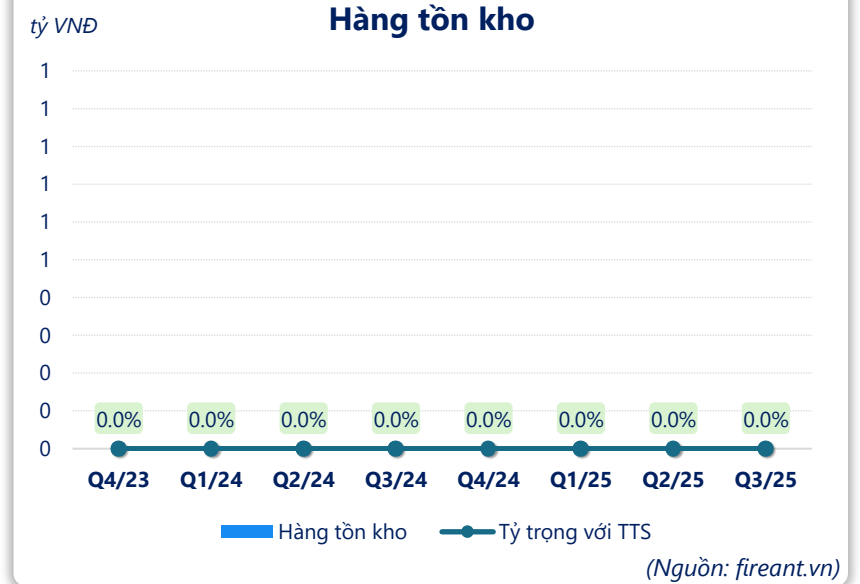
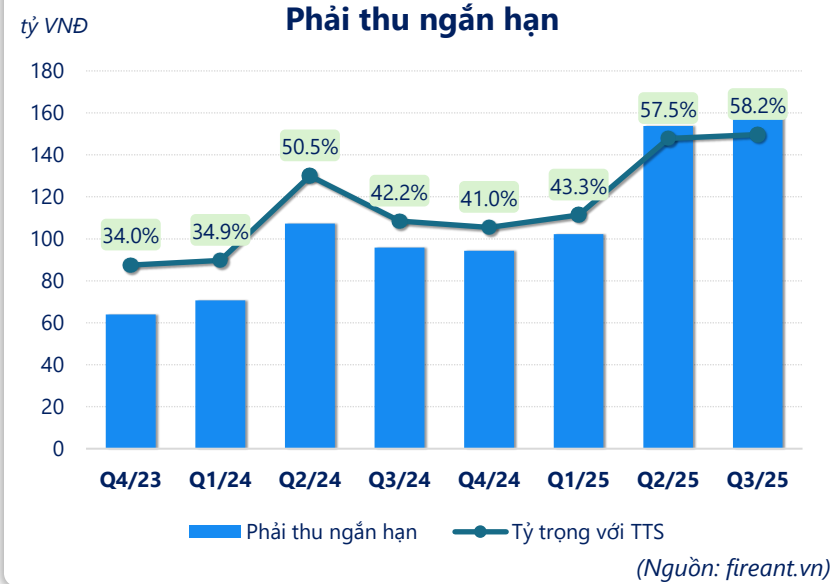
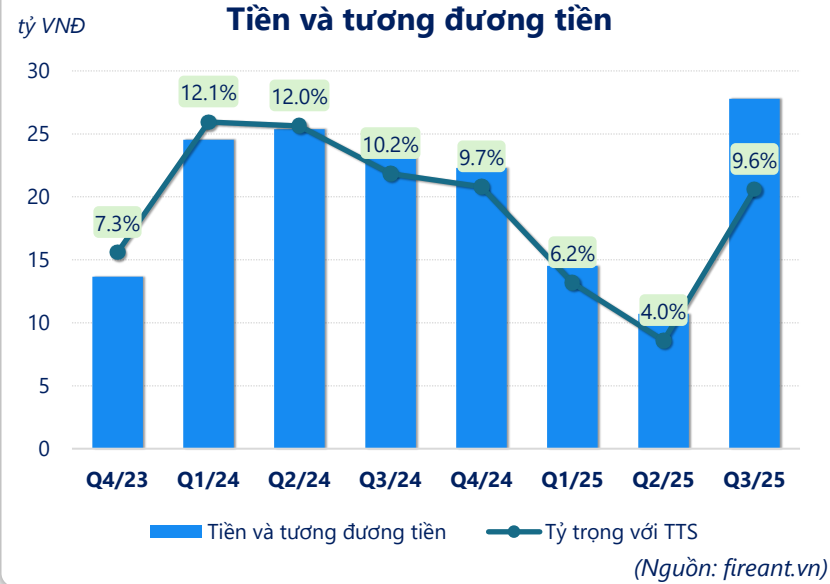
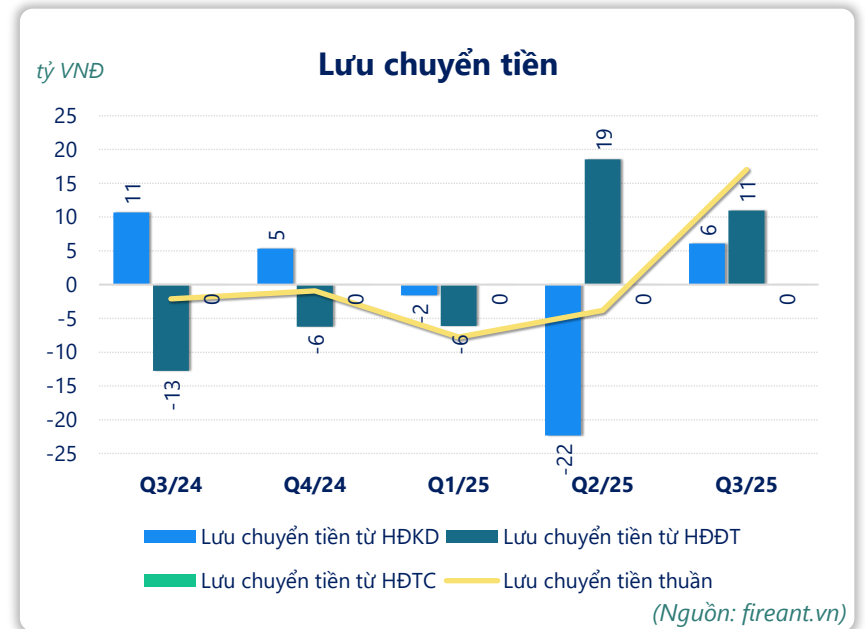
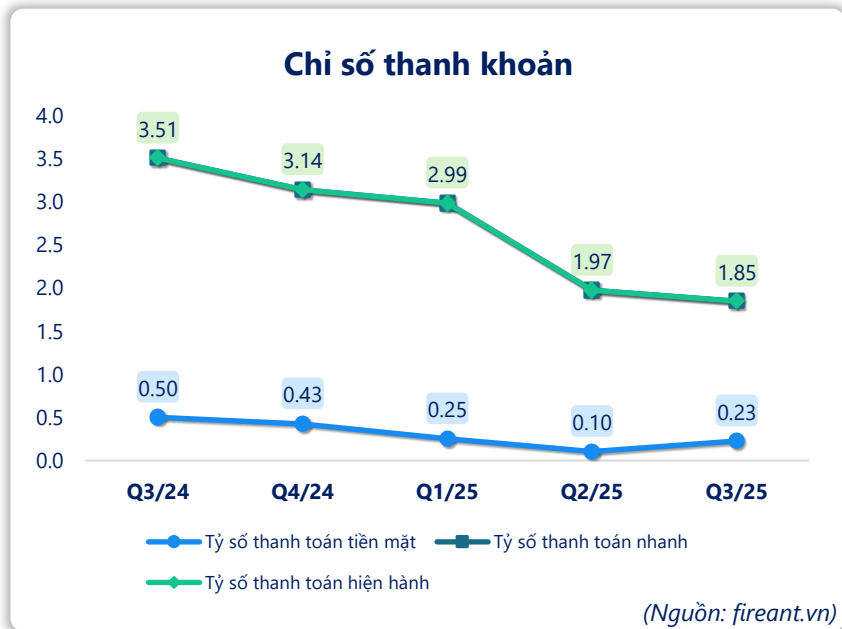
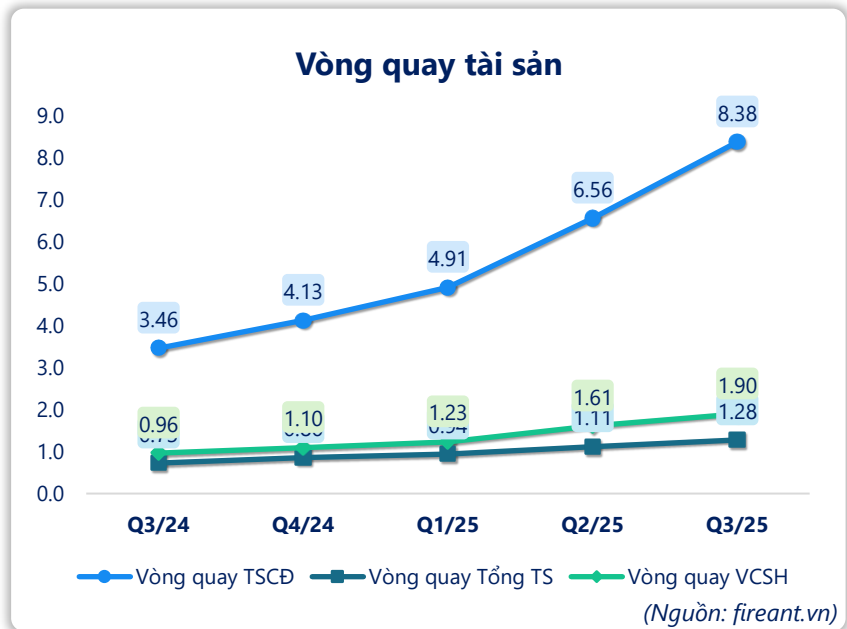
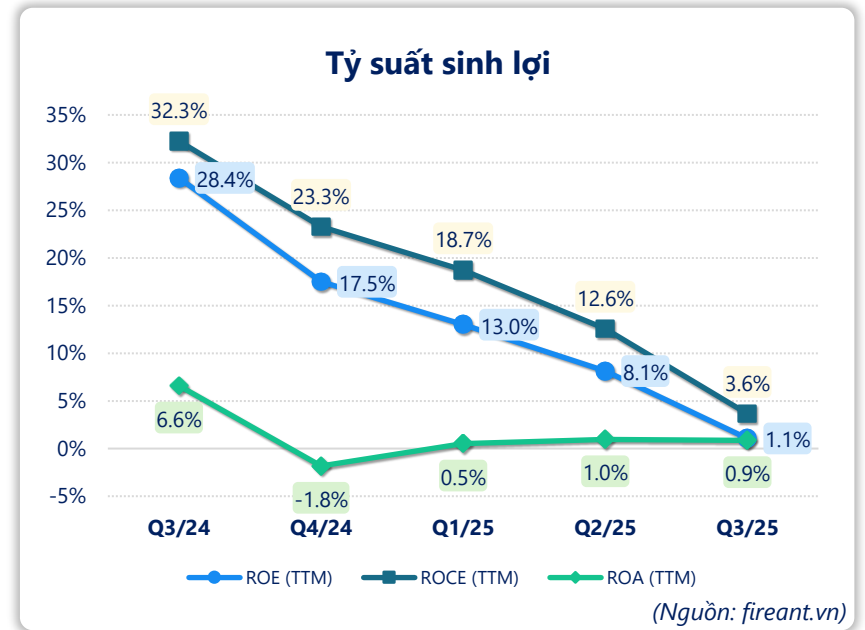
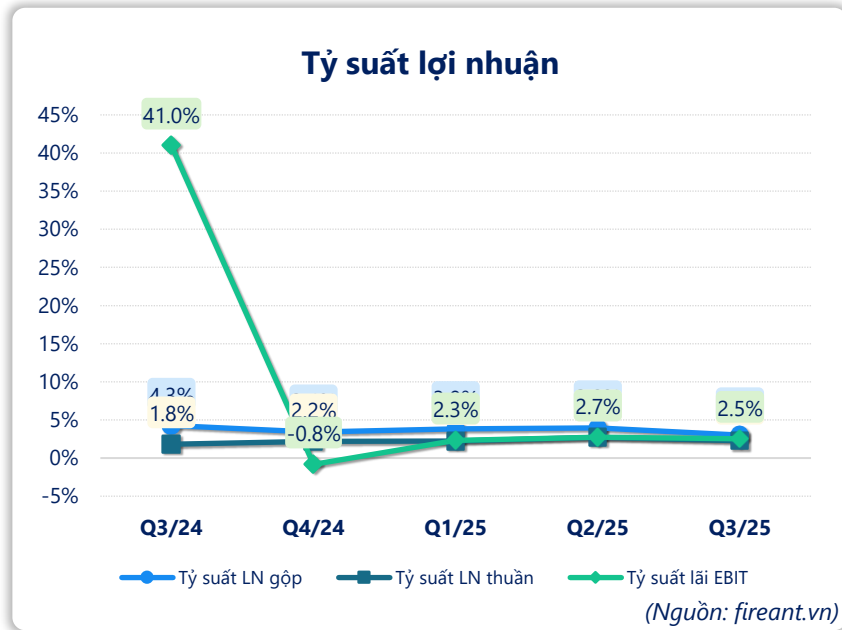
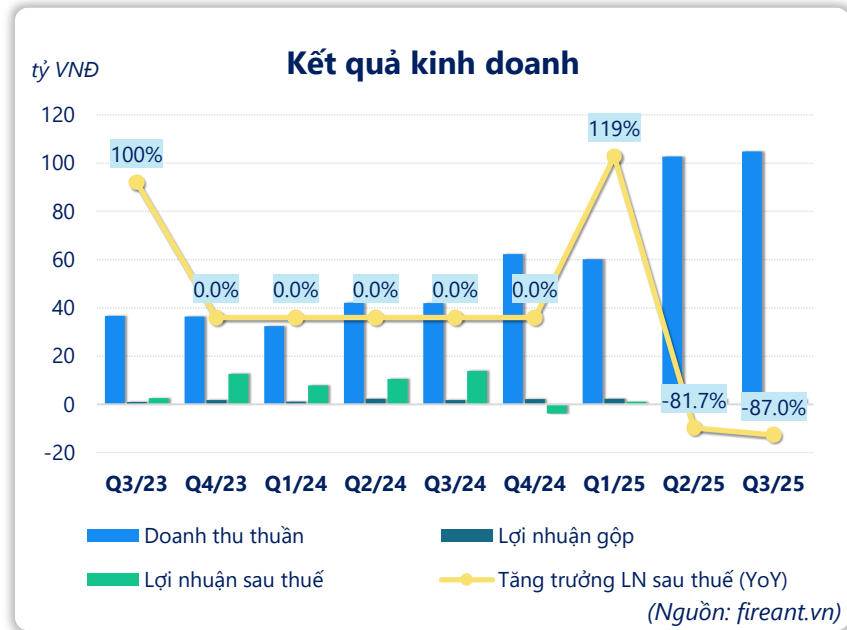


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,821
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,960
SL cổ phiếu LH		14,162,130
KLGD BQ 20 phiên (CP)		13,645
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		125
P/E		67.6
EPS		130

	YTD	1T	3T	6T
VLG	-5.8%	1.1%	5.6%	-11.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	289	230	25.9%
Tài sản ngắn hạn	226	165	37.1%
Tiền và tương đương tiền	27.8	22.3	24.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.0	35.0	-60.0%
Phải thu ngắn hạn	168	94.2	78.7%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	15.8	13.3	18.5%
Tài sản dài hạn	63.3	65.0	-2.5%
Phải thu dài hạn	11.9	10.1	17.9%
Tài sản cố định	37.7	40.9	-7.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.24	1.24	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	11.4	11.4	0.0%
Tài sản dài hạn khác	1.07	1.29	-17.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	122	52.4	133%
Nợ ngắn hạn	122	52.4	133%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	96.0	37.4	157%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	167	177	-5.8%
Vốn chủ sở hữu	167	177	-5.8%
Vốn điều lệ	142	142	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	42.0	62.3	60.1	103	105
Giá vốn hàng bán	40.2	60.2	57.8	98.7	102
Lợi nhuận gộp	1.79	2.11	2.30	4.04	3.16
Doanh thu HĐTC	0.88	0.65	0.62	0.49	0.45
Chi phí TC	0.04	0.03	0.00	0.01	0.01
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.86	1.35	1.57	1.73	1.20
LN thuần từ HĐKD	0.76	1.38	1.35	2.79	2.40
Lợi nhuận khác	16.4	-1.89	0.05	0	0.26
LN trước thuế	17.2	-0.51	1.40	2.79	2.67
Lợi nhuận sau thuế	13.9	-3.81	1.12	2.30	2.23
LNST của CĐ cty mẹ	13.9	-3.81	1.12	2.30	2.23

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	10.7	5.31	-1.57	-22.3	6.08
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.8	-6.22	-6.15	18.6	11.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.05	-0.04	-0.05	-0.04	-0.01
Tiền đầu kỳ	25.4	23.2	22.3	14.5	10.7
Lưu chuyển tiền thuần	-2.13	-0.95	-7.77	-3.82	17.0
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.07	0.07	0.00	0.01	0.03
Tiền cuối kỳ	23.2	22.3	14.5	10.7	27.8

(Nguồn: fireant.vn)